

Số: 345/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 7140201)** trình độ đại học hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong

giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-ĐHPY ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON
(Early Childhood Education)

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON
(Early Childhood Education)

Mã số: 7140201

Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Loại bằng: CỬ NHÂN

Khoa quản lý: GIÁO DỤC TIỂU HỌC - MẦM NON

Website: (www.pyu.edu.vn)

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường ĐH Phú Yên: “Chất lượng – Hiệu quả - Sáng tạo – Vì cộng đồng”.*

- *Về chương trình của ngành đào tạo:*

+ Triết lý chung của chương trình: Chất lượng – linh hoạt – đáp ứng yêu cầu xã hội.

+ Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non được xây dựng và phát triển từ năm 2007, liên tục được bổ sung, điều chỉnh theo từng khóa học để bắt kịp với xu thế đổi mới giáo dục. Nội dung chương trình đào tạo đảm bảo sinh viên ra trường có kiến thức và kỹ năng để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục ở trường mầm non, sẵn sàng thích ứng với nghề nghiệp và cuộc sống.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) có tư tưởng đạo đức tốt, có năng lực, phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với trẻ, có tư duy giáo dục hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của GDMN trong điều kiện nền kinh tế tri thức, có năng lực tiếp cận và phát triển chương trình GDMN mới, có tiềm lực nghiên cứu khoa học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành GDMN.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Sinh viên có kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội để ứng dụng các vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

- PO2: Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên ngành và khoa học giáo dục mầm non trong tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ.

- PO3: Hiểu biết về kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở giáo dục mầm non.

- PO4: Sinh viên có kiến thức cơ bản về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện; phối hợp với phụ huynh học sinh, xã hội thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO5: Kỹ năng tổ chức thực hiện, phối hợp các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở GDMN.

- PO6: Có kỹ năng quan sát, đánh giá chính xác sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở các cơ sở GDMN.

- PO7: Lập được chính xác kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục trong nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.

- PO8: Thao tác được công việc quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.

2.2.3. Về thái độ

- PO9: Yêu thương, tôn trọng, công bằng, gần gũi với trẻ.

- PO10: Có tinh thần tự học, rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thực hiện hoặc phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Giáo viên dạy ở các trường và cơ sở GDMN.

- Phát triển hoặc tổ chức quản lý, điều hành cơ sở GDMN.

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Tiếp tục học tập để đạt được học vị thạc sĩ cùng chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHPY ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2019.

3.1. Chuẩn đầu ra chung – PLO0: (theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHPY)

3.2. Về kiến thức

- PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, cơ bản vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

- PLO2: Phân tích kiến thức chuyên ngành và khoa học GDMN vào các hoạt động giáo dục phát triển toàn diện (thể chất, tình cảm xã hội, thẩm mỹ, nhận thức và ngôn ngữ) cho trẻ.

- PLO3: Xây dựng được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và giáo dục ở các trường và cơ sở GDMN.

- PLO4: Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, an toàn, thân thiện và phối hợp với gia đình phụ huynh học sinh, xã hội thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ trong các cơ sở GDMN.

3.3. Về kỹ năng

- PLO5: Thực hiện chính xác các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các trường và cơ sở GDMN.

- PLO6: Quan sát, đánh giá chính xác sự phát triển của trẻ thông qua các hoạt động hằng ngày ở các cơ sở GDMN.
- PLO7: Lập chính xác kế hoạch giáo dục, chương trình giáo dục trong nhóm, lớp hướng tới sự phát triển toàn diện của trẻ.
- PLO8: Thực hiện chính xác trong việc thiết kế, làm và sử dụng đồ dùng dạy học.
- PLO9: Thao tác được công việc quản lý cơ sở vật chất, hệ thống hồ sơ sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định.

3.4. Về thái độ

- PLO10: Yêu thương, tôn trọng, công bằng, gần gũi với trẻ.
- PLO11: Có tinh thần tự học, rèn luyện và phấn đấu nâng cao phẩm chất đạo đức nhà giáo.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thực hiện hoặc phối hợp với đồng nghiệp trong thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục trẻ mầm non.

Có khả năng xử lý được các tình huống bất thường xảy ra trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT.

Mục tiêu Pos	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
PO1	X										
PO2		x									
PO3			x			x	x				
PO4				x						x	x
PO5					x						
PO6						x					
PO7							x				
PO8								x	x		
PO9										x	
PO10											x

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 130 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Khối giáo dục đại cương (chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh)	40	36	4
2	Khối giáo dục chuyên nghiệp	90	82	8
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	25	21	4
2.2	Kiến thức ngành	36	32	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	15	15	0
2.4	Thực tập sư phạm	7	7	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	7	0
Tổng cộng		130	118	12

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Bảng 6.1: Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: Giáo dục mầm non		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x			
	Khối kiến thức cơ sở ngành		x		
	Khối kiến thức chuyên ngành		x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp		x		
	Luận văn tốt nghiệp/Học phần thay thế	x		x	
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên	x	x	x	x
	Thi nghiệp vụ/Thực hành nghề nghiệp		x		
	Các hoạt động khác				
	- Dạ hội sinh viên - Tiếng hát học sinh sinh viên - Chào mừng ngày 9/1, 20/11 - Hội thi nghiệp vụ sư phạm cấp khoa - Chiến dịch ngày hè xanh	x		x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1		x		
	PLO2	x		x	
	PLO3	x	x		
	PLO4		x		x
	PLO5		x	x	
	PLO6	x	x		
	PLO7	x	x		
	PLO8		x	x	
	PLO9		x	x	
	PLO10		x		
	PLO11		x		

7. Nội dung chương trình

Bảng 7.1 : Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
7.1.	Kiến thức giáo dục đại cương		40	510	55	70	0	
7.1.1	Lý luận chính trị		11	165	0	0	0	
1	LC111013	Triết học Mác-Lênin	3	45	0	0	0	
2	LC112112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	0	0	0	1
3	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	2
4	LC124112	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	3
5	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4
7.1.2	Ngoại ngữ		8	80	40	0	0	
6	NG116303	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
7	NG116313	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	6
8	NG116322	Tiếng Anh 3 (B1.3)	2	20	10	0	0	7
7.1.3	Khoa học xã hội và nhân văn		12	150	15	30	0	
	- Bắt buộc:		8	100	5	30	0	
9	XH116212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
10	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
11	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
12	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
	- Tự chọn: (chọn 4/6 tín chỉ)		4	50	10	0	0	
13	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	26	4	0	0	
14	LC110172	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30	0	0	0	1
15	LC120142	Đạo đức học	2	20	10	0	0	
7.1.4	Khoa học tự nhiên- công nghệ		9	115	0	40	0	
16	TN142202	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	30	0	0	0	
17	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
18	TN143012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
19	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		4	0	0	120	0	
20	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
21	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	20
22	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	21
23	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	22
7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh							
24	TC160018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165tiết				
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		90	741	69	840	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		25	246	24	210	0	
	-Bắt buộc:		21	191	19	210	0	
25	XH110092	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
26	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ	2	0	0	60	0	28

27	NT110902	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
28	NT120702	Mỹ thuật	2	0	0	60	0	
29	TM123422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	26	4	0	0	
30	TM123453	Vệ sinh – chăm sóc trẻ	3	30	0	30	0	29
31	TM123442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	10	0	0	29
32	TL111172	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
33	KC100222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non	2	15	0	30	0	19
34	TL110092	Giao tiếp với trẻ	2	25	5	0	0	59
	- Tự chọn: (chọn 4/8 tín chỉ)		4	55	5	0	0	
35	TN146132	Giáo dục giới tính cho trẻ	2	20	10	0	0	16
36	TL111142	Giáo dục gia đình	2	25	5	0	0	59
37	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	
38	TL111162	Nghề Giáo viên mầm non	2	25	5	0	0	59
7.2.2	Kiến thức ngành		36	285	15	450	0	
	- Bắt buộc:		32	270	15	360	0	
39	TL120082	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
40	TL111182	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	0	30	0	
41	NT111702	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	27
42	NT121723	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	3	30	0	30	0	28, 26
43	TC143022	Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ	2	15	0	30	0	23
44	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	3	30	0	30	0	17
45	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
46	TM121063	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	3	30	0	30	0	9
47	TM123213	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	25	5	30	0	
48	TM121092	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
49	NT112702	Múa và biên soạn động tác múa	2	0	0	60	0	
50	TM123472	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ	2	15	0	30	0	
51	TM121082	Dạy học theo phương pháp giáo dục sớm cho trẻ mầm non	2	20	10	0	0	
52	TM123591	Tham quan thực tế	1	0	0	45 giờ	0	
	- Tự chọn: (chọn 4/6 tín chỉ)		4	15	0	90	0	
53	NT120722	Nghệ thuật tạo hình	2	0	0	60	0	28
54	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	43
55	NT110712	Đàn phím điện tử	2	0	0	60	0	
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		15	140	25	120	0	
56	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
57	TL110082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	56
58	TL111102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	56
59	TL111133	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	57

60	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	56
61	TL110081	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	60
62	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	61
63	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	62
64	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	57,59
7.2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp		7	0	0	315	0	
						giờ		
65	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (10 tuần)	7	0	0	315	0	
						giờ		
7.2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
	Khoá luận tốt nghiệp		7					
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	70	5	60	0	
66	TM121082	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ	2	15	0	30	0	
67	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	25
68	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	25	5	0	0	59
Tổng cộng			130	1251	124	940	0	
						+ 360		
						giờ		

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

**Bảng 7.2: Mô tả liên hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo I (Introduced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức giới thiệu/bắt đầu.
R (Reinforced) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội thực hành, thí nghiệm, thực tế
M (Mastery) – HPs hỗ trợ đạt được PLOs ở mức thuần thục.
A (Assessed) – HP quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO)**

Học phần	Chuẩn đầu ra PLOs										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
HP 1	A										
HP 2	A										
HP 3	A										M
HP 4	A										
HP 5	A										
HP 6	A										
HP 7	A										
HP 8		M									
HP 9		A				A					
HP 10											
HP 11					M						M
HP 12		A									M
HP 13	M										
HP 14	M			A							
HP 15		M									M
HP 16		M								M	M
HP 17	A	A				A					
HP 18	M										

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	0	0	
2	NG116303	Tiếng Anh 1(B1.1)	3	30	15	0	0	
3	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
4	TM122012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
5	TN142202	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	30	0	0	0	
6	XH116212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
7	TL120082	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
8	XH110092	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			16	220	20	0	0	

8.2. Học kỳ II: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học (nếu có)	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30	0	0	0	
2	NG116313	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	
3	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
4	TL110012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
5	TL110082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
6	NT120702	Mỹ thuật	2	0	0	60	0	
7	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
8	TN143012	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			16	165	25	100	0	

8.3. Học kỳ III: 17 TC (bắt buộc: 13 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học (nếu có)	
-Bắt buộc:			13	150	15	60	0	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	NG116322	Tiếng Anh 3 (B1.3)	2	20	10	0	0	
3	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
4	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
5	TL111102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	
6	TL111322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
7	TL110001	Rèn luyện NVSP thường xuyên 1	1	0	0	30	0	
8	TL111172	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	0	0	0	
-Tự chọn:			4	50	10	0	0	

9	XH140012	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	26	4	0	0	Chọn 4/6 TC
10	LC110172	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	30	0	0	0	
11	LC120142	Đạo đức học	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			17	200	25	60	0	

8.4. Học kỳ IV: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC124112	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30	0	0	0	
2	NT112702	Múa và biên soạn động tác múa	2	0	0	60	0	
3	NT110902	Âm nhạc	2	15	0	30	0	
4	TL111133	Giáo dục học mầm non	3	35	10	0	0	
5	TM123422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	26	4	0	0	
6	TL110081	Rèn luyện NVSP thường xuyên 2	1	0	0	30	0	
7	TL110092	Giao tiếp với trẻ	2	25	5	0	0	
8	NT120712	Làm đồ chơi cho trẻ	2	0	0	60	0	
9	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	
10	TC160018	Giáo dục Quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
Tổng cộng			16	131	19	180	0	

8.5. Học kỳ V: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	120	10	90	0	
1	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2	TM122173	Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ	3	30	0	30	0	
3	TM123591	Trải nghiệm thực tế	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
4	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
5	TL110091	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
6	TM121063	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ	3	30	0	30	0	
- Tự chọn:			4	55	5	0	0	
7	XH112002	Văn học dân gian	2	30	0	0	0	Chọn 4/8 TC
8	TL111142	Giáo dục gia đình	2	25	5	0	0	
9	TN146132	Giáo dục giới tính cho trẻ	2	20	10	0	0	
10	TL111162	Nghề giáo viên mầm non	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			16	175	15	90+ 45 giờ	0	

8.6. Học kỳ VI: 17 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	TL111182	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	15	0	30	0	
2	TM121073	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
3	NT111702	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
4	TM123453	Vệ sinh – chăm sóc trẻ	3	30	0	30	0	
5	TC143022	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	2	15	0	30	0	
6	TL111202	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
8	TL110101	Rèn luyện NVSP thường xuyên 4	1	0	0	30	0	
9	TM121082	Dạy học theo phương pháp giáo dục sớm cho trẻ mầm non	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			17	155	10	180	0	

8.7. Học kỳ VII: 18 TC (bắt buộc: 14 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			14	120	15	150	0	
1	NT121723	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	3	30	0	30	0	
2	TM123213	Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh	3	25	5	30	0	
3	TM123442	Dinh dưỡng trẻ em	2	20	10	0	0	
4	KC100222	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non	2	15	0	30	0	
5	TM123472	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ	2	15	0	30	0	
6	TM121092	Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
- Tự chọn:			4	15	0	90	0	
7	NT110712	Đàn phím điện tử	2	0	0	60		Chọn 4/6 TC
8	NT120722	Nghệ thuật tạo hình	2	0	0	60	0	
9	TC132022	Thế dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			18	135	15	240	0	

8.8. Học kỳ VIII: 14 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	DT100027	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	7	0	0	315 giờ	0	10 tuần
2	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế		7					
2a	Khóa luận tốt nghiệp		7					
2b	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	70	5	60	0	
1	TM121082	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng	2	15	0	30	0	

		tích hợp cho trẻ						
2	TL111152	Giáo dục hòa nhập	2	25	5	0	0	
3	TM121043	Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
Tổng cộng			14	70	5	60 +	0	
						315 giờ		

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Triết học Mác-Lênin

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác - Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.6. Tiếng Anh 1 (B1.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ bậc 3 (B1.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.7. Tiếng Anh 2 (B1.2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1 (B1.1)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ bậc 3 (B1.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.8. Tiếng Anh 3 (B1.3)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2 (B1.2)

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ bậc 3 (B1.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 3.

9.9. Tiếng Việt

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về Tiếng Việt: ngữ âm tiếng Việt; Từ vựng tiếng Việt; Ngữ pháp tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ hỗ trợ thực hiện nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

9.10. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

9.11. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non. Sinh viên được tích lũy kiến thức, rèn kỹ năng nghề, tăng cường kỹ năng sống; Phát huy năng lực, phẩm chất trong hoạt động thực tế của nghề nghiệp; Tăng cường khả năng tự làm chủ bản thân, chủ động, tích cực giải quyết các tình huống của nghề nghiệp và cuộc sống; Tạo tính năng động, có thể thích ứng với những biến đổi của đời sống; Khơi dậy khát khao sáng tạo, tìm được cách giải quyết tối ưu những vấn đề đặt ra đối với nghề nghiệp và cuộc sống.

9.12. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.13 Cơ sở văn hoá Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

9.14. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và hệ thống về mỹ học nói chung và mỹ học Mác - Lênin nói riêng. Giúp người học hiểu một cách sâu sắc về các phạm trù của khách thể thẩm mỹ đặc biệt là phạm trù cái đẹp; góp phần hình thành năng lực và giáo dục thẩm mỹ cá nhân.

9.15. Đạo đức học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

9.16. Sự phát triển thể chất trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể trẻ. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.17. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình học và thông kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

9.18 Môi trường và Con người

2TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các kiến thức khái quát về môi trường, các chức năng chủ yếu của môi trường, vấn đề về ô nhiễm môi trường (hiệu ứng nhà kính, suy giảm tầng ôzôn...), vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, vấn đề dân số, lương thực – thực phẩm, vấn đề năng lượng và sự phát triển bền vững, mối quan hệ giữa con người và môi trường. Vấn đề giáo dục môi trường trong trường mầm non: phương pháp tiếp cận và các nội dung, hình thức tổ chức giáo dục môi trường cho trẻ mầm non.

9.19. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.20. Giáo dục thể chất 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tổ chất thể lực.

9.21. Giáo dục thể chất 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

9.22. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

a. Cầu lông 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

b. Bóng chuyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

c. Bóng đá 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

d. Bóng bàn 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

e. Võ Cổ truyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

9.23. Giáo dục thể chất 4 (chọn 1 trong 5 học phần)

1 TC

a. Cầu lông 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

b. Bóng chuyền 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

c. Bóng đá 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

d. Bóng bàn 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

e. Võ Cổ truyền 2

1TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.24. Giáo dục quốc phòng – an ninh

8TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

9.25. Văn học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp người học tiếp cận các tác giả lớn, có những đóng góp nhất định cho văn học trẻ em trong và ngoài nước thông qua việc tìm hiểu tiểu sử tác giả, nội dung các tác phẩm, các tập thơ, tập truyện tiêu biểu. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học rèn những kỹ năng phân tích, cảm nhận về một vấn đề, một nhân vật văn học hay một tác phẩm văn học dành cho lứa tuổi mầm non.

9.26. Làm đồ chơi cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

9.27. Âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên hiểu biết về nhạc lý cơ bản : độ dài, độ cao của nốt nhạc một số ký hiệu thường gặp trong âm nhạc, phách nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung quãng, điệu thức gam giọng, dịch giọng, hợp âm, các ký hiệu.

Kỹ thuật ca hát cơ bản: Giới thiệu bộ máy phát âm, hơi thở, tư thế ca hát, các xoang cộng minh và tổ chức âm thanh, Các kỹ năng hát, một số kỹ thuật hát, luyện tập các kỹ thuật hát và thể hiện bài hát.

9.28. Mỹ thuật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về Nghệ thuật tạo hình: Những vấn đề chung về Mỹ thuật; Luật xa gần; Vẽ theo mẫu; Trang trí và màu sắc; Tỷ lệ về cơ thể người; Vẽ tranh đề tài; Phóng tranh và vẽ minh họa; Nặn tạo dáng sản phẩm mỹ thuật.

9.29. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.30. Vệ sinh - chăm sóc trẻ

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp, các kiến thức về vệ sinh trẻ em, vệ sinh trường mầm non; tầm quan trọng của những năm đầu đời đối với sự phát triển của trẻ, các kiến thức và kỹ năng về chăm sóc trẻ thời kì trong bụng mẹ, chăm sóc trẻ từ 0- 6 tuổi (chú trọng vào việc vệ sinh chăm sóc trẻ về thân thể, mắt, tai, mũi, họng, trang phục và nuôi dưỡng trẻ trong mỗi giai đoạn phát triển).

9.31. Dinh dưỡng trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng và đặc điểm các nhóm thực phẩm; các kiến thức về xây dựng thực đơn, tính toán

khẩu phần ăn cho trẻ; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như những phương pháp giáo dục dinh dưỡng trẻ em ở trường mầm non; các bài tập thực hành về chế biến các món ăn cho trẻ mầm non.

9.32. Đánh giá trong Giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phân: Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động trong nghề nghiệp của GVMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN)

9.33. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Một số kiến thức cơ bản về sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ở mầm non; giới thiệu một số ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở mầm non (chủ yếu đề cập đến việc thiết kế và trình bày bài giảng bằng Power Point, sử dụng phần mềm giáo dục để dạy học và khai thác Internet).

9.34. Giao tiếp với trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Học phân này cung cấp cho người học những vấn đề chung về giao tiếp: khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và nguyên tắc giao tiếp. Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.

9.35. Giáo dục giới tính cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Học phân cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về giáo dục giới tính cho trẻ em: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với trẻ ngay từ độ tuổi mẫu giáo, giúp trẻ sớm tiếp thu những kiến thức về giới, từ đó có những hành vi, thái độ phù hợp, góp phần hình thành và phát triển nhân cách toàn diện, giúp trẻ biết nuôi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và với người xung quanh.

9.36. Giáo dục gia đình

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non.

Cung cấp các kiến thức cơ bản về lý luận giáo dục gia đình: chức năng, các mối quan hệ chủ yếu trong gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục gia đình. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em. Ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế xã hội đối với GDMN trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

9.37. Văn học dân gian

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phân giới thiệu khái quát những kiến thức cơ bản về văn học dân gian, đặc biệt đi sâu tìm hiểu các thể loại vốn cần thiết và gắn liền với đời sống tinh thần của trẻ em như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, ca dao – dân ca, câu đố... Qua đó, giúp người học hiểu, cảm nhận, phân tích và diễn giải được một số tác phẩm văn học dân gian tiêu biểu cho từng thể loại. Học phân này cũng có vai trò mở đầu giúp người học tiếp cận với các học phần văn học khác.

9.38. Nghề giáo viên Mầm non

2TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Cung cấp các kiến thức cơ bản về: Nghề, nghề giáo viên và nghề GVMN; nhiệm vụ của GVMN; Đặc điểm hoạt động sư phạm của GVMN; Các kỹ năng nghề nghiệp và

giao tiếp của GVMN; Con đường hình thành nghề GVMN; Chuẩn chức danh nghề nghiệp GVMN.

9.39. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức về các nguyên tắc xây dựng chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp; hình thành ở người học những kỹ năng xây dựng, thiết kế kế hoạch giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo chương trình chăm sóc, GDMN.

9.40. Tổ chức hoạt động vui chơi

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về trò chơi trẻ em; bao gồm:

- Khái niệm hoạt động vui chơi; các loại trò chơi; ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

- Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non

9.41. Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Lý luận và thực hành của chương trình bộ môn hướng tới việc cung cấp và rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động và đánh giá khả năng hoạt động của trẻ em bằng hệ thống các phương pháp, hình thức phù hợp với xu hướng phát huy tính tích cực của trẻ, đảm bảo nguyên tắc tiếp cận tích hợp với những nội dung sau:

- Cơ sở lý luận về vai trò của giáo dục âm nhạc ở trường Mầm non.
- Các phương pháp cơ bản, hình thức tổ chức hoạt động âm cho trẻ Mầm non.
- Vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức để biên soạn và thiết kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ ở Mầm non.
- Viết kịch ngày lễ và dàn dựng chương trình lễ hội ở trường mầm non.

9.42. Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật, Làm đồ chơi cho trẻ.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản sau:

Đặc điểm hình thành và phát triển hoạt động tạo hình của trẻ em; vai trò của hoạt động tạo hình trong việc giáo dục toàn diện cho trẻ mầm non; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo các độ tuổi.

Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch; xây dựng, tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá khả năng hoạt động tạo hình của trẻ mầm non theo hướng tiếp cận tích hợp và quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

9.43. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 4

Học phần này trang bị cho sinh viên 2 nội dung:

- Những vấn đề lý luận giáo dục thể chất, bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của lý luận giáo dục thể chất; mối quan hệ giữa lý luận giáo dục thể chất với các khoa học khác; sơ lược lịch sử giáo dục thể chất trên thế giới và ở Việt Nam; cơ sở khoa học của lý luận giáo dục thể chất.

- Quá trình giáo dục thể chất cho trẻ em, bao gồm: Mục đích, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện và đánh giá hoạt động giáo dục thể chất của trẻ ở trường mầm non. Quá trình này luôn được cập nhật với xu thế đổi mới của ngành học như: “tiếp cận tích hợp”, “day học hướng vào người học”.

9.44. Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán

Học phần cung cấp cho sinh viên:

Những vấn đề chung của quá trình hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non; đặc điểm hình thành biểu tượng toán ban đầu cho trẻ mầm non; phương pháp, hình thức, phương tiện hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non.

9.45. Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non; chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản sân khấu và tổ chức hoạt động đóng kịch cho trẻ mẫu giáo.

9.46. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp phát triển lời nói trẻ em với tư cách là một lĩnh vực khoa học; cung cấp các kiến thức về nhiệm vụ, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục chuẩn mực ngữ âm phát triển vốn từ; dạy trẻ các mẫu câu tiếng Việt; phát triển lời nói mạch lạc và lời nói nghệ thuật qua thơ; truyện dành cho trẻ em; chuẩn bị cho trẻ học tiếng Việt ở lớp 1 và giáo dục trẻ văn hoá giao tiếp ngôn ngữ.

9.47. Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho SV những kiến thức lý luận cơ bản như: một số khái niệm, mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức và đánh giá quá trình tổ chức cho trẻ khám phá MTXQ, qua đó hình thành và rèn luyện cho SV kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động và đánh giá hoạt động dưới các hình thức khác nhau một cách độc lập, sáng tạo và hiệu quả theo tinh thần của chương trình GDMN hiện hành

9.48. Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non 2TC

Học phần cung cấp những hiểu biết cơ bản về tiền đọc viết, các thành tố của khả năng tiền đọc, viết; ý nghĩa, cơ sở khoa học của việc hình thành và phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ mầm non; nội dung, phương pháp, biện pháp giáo dục nhằm hình thành và phát triển hệ thống năng lực tiền đọc, viết làm tiền đề cho việc thủ đắc ngôn ngữ cho trẻ; giới thiệu một số khuynh hướng triết lý giáo dục mới gắn với loại công cụ chữ viết giúp người học vận dụng vào hoạt động phát triển ngôn ngữ ở trường mầm non.

9.49. Múa và biên soạn động tác múa 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm: Một số kỹ thuật cơ bản về nghệ thuật múa, nhập môn các động tác tay không, giới thiệu một số chất liệu múa cơ bản: Các động tác múa mỡ, Dân tộc H.Mông, Dân tộc Thái, Dân tộc Tây Nguyên, Dân tộc Tày; một số kỹ năng múa, các động tác trong chất liệu múa dân gian Việt Nam; các tổ hợp múa dân gian Việt Nam; một số vũ điệu quốc tế.

Biên soạn và biên đạo các tiết mục múa độc lập, múa minh họa cho ca khúc ở trường Mầm non.

9.50. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ **2 TC**

Điều kiện tiên quyết : Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lí luận giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, bao gồm: khái niệm, quy trình giáo dục theo hướng trải nghiệm, vai trò của trải nghiệm đối với giáo dục trẻ mầm non, các yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non, các hình thức hoạt động của trẻ ở trường mầm non; Mô hình tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ mầm non; Hướng dẫn sử dụng mô hình giáo dục theo hướng trải nghiệm trong các hình thức hoạt động, với các lứa tuổi và các loại hình trường mầm non; Tổ chức các hoạt động giáo dục (hoạt động học theo các lĩnh vực, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu) theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non.

9.51. Dạy học theo phương pháp giáo dục sớm cho trẻ mầm non **2TC**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về phương pháp giáo dục sớm cho trẻ mầm non theo mô hình giáo dục Montessori và Stem. Kỹ năng xây dựng môi trường tổ chức một số hoạt động theo Montessori và Stem.

9.52. Trải nghiệm thực tế **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Tổ chức cho sinh viên tham quan thực tế ngoại tỉnh với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, những nét văn hóa ở một số vùng miền... nhằm giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ và làm giàu vốn kiến thức, vốn sống ... phục vụ cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường mầm non (lĩnh vực thẩm mỹ: Mỹ thuật, Âm nhạc; lĩnh vực nhận thức: môi trường xung quanh, văn hóa địa phương; Lĩnh vực ngôn ngữ: Phát triển ngôn ngữ, Phương pháp cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường Mầm non). Đồng thời rèn luyện một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên: kỹ năng hòa nhập cộng đồng, kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thu tập và lưu trữ thông tin, kỹ năng viết báo cáo thu hoạch.

9.53. Nghệ thuật tạo hình **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội họa, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.

9.54. Thể dục nghệ thuật **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.

9.55. Đàn phím điện tử **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần: Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ. Nắm được một số kĩ thuật luyện ngón cơ bản ở tay phải và tay trái. Ứng dụng đàn một số bài hát phục vụ dạy học Mầm non.

9.56. Tâm lý học đại cương **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác –Lênin

Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý học là một khoa học; Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

9.57. Tâm lý học trẻ em

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần bao gồm: Nhập môn tâm lý học trẻ em, Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em, Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em, Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em trong năm đầu (từ 2 đến 15 tháng tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng tuổi), Các dạng hoạt động của trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo bé (từ 3 đến 4 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo nhỡ (từ 4 đến 5 tuổi), Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ mẫu giáo lớn (từ 5 đến 6 tuổi).

9.58. Giáo dục học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Nội dung học phần bao gồm: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp của GDMN; Giáo dục và sự phát triển nhân cách; Một số tư tưởng giáo dục trong lịch sử giáo dục thế giới; Mục đích, mục tiêu GDMN, Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

9.59. Giáo dục học mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề chung về chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 3 tuổi, Nguyên tắc chỉ đạo công tác chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm đầu, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ hai, Chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm thứ ba, Giáo dục cho trẻ mẫu giáo, Hoạt động dạy học ở trường mẫu giáo, Hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mẫu giáo, Tổ chức ngày hội, ngày lễ ở trường mẫu giáo, Chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào lớp một tiểu học.

9.60. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1)

1TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung; rèn phong cách văn hóa sư phạm trong giao tiếp, tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tạo, cơ cấu tổ chức của trường mầm non.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: kỹ năng viết, kỹ năng nói...

9.61. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2)

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1)

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung: tìm hiểu tâm lý trẻ mầm non; Nghiên cứu giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: Thiết kế các loại kế hoạch.

9.62. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2)

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi nhà trẻ:

- Rèn kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ), dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non.

- Tập giảng, rút kinh nghiệm.

9.63. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (4)

1TC

Điều kiện tiên quyết: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3)

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ khỏi mẫu giáo:

- Thực hành kỹ năng: chăm sóc trẻ, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chung.

- Dự giờ quan sát hoạt động dạy học tại trường mầm non. Tổng kết, rút kinh nghiệm.

9.64. Quản lý nhà trường

2TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non, Tâm lý học trẻ em.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường mầm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyên môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường mầm non của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường mầm non.

9.65. Thực tập sư phạm tốt nghiệp

7 TC

Củng cố và nâng cao các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ, tiếp tục rèn luyện các kỹ năng dạy học và giáo dục, kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

9.66. Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về Giáo dục tích hợp;

Giáo

dục tích hợp ở bậc học Mầm non và sự cần thiết phải tiến hành giáo dục tích hợp ở bậc học này. Hình thành cho người học kỹ năng thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề cho trẻ ở trường Mầm non.

9.67. Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học trẻ em

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm tác phẩm văn học theo loại thể, nghệ thuật đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học theo loại thể; cách tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học theo loại thể; rèn kỹ năng đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học trong chương trình GDMN.

9.68. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Trần Lăng, 1968, Phó Hiệu trưởng	GVC, 2006	TS, Việt Nam, 2014	Triết học	Triết học Mác – Lê nin Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ
2	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác– Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý cơ bản CN Mac-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Sử - Chính trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Đạo đức học
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Hồng Ái Nga, 1970, TBM Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
7	Nguyễn Thị Xuân Duyên, 1971, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 2
8	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
9	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng khoa Khoa học Xã hội và nhân văn	GVC, 2017	Ths, 2005 Việt Nam	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	Tiếng Việt
10	Nguyễn Thị Liên, 1974, Phó trưởng khoa GDTH – MN	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2004	Lí luận ngôn ngữ	- Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ - Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
11	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng phòng Hành chính – Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
12	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó Trưởng khoa Khoa Sư phạm	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học Việt Nam	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm

13	Lê Bạt Sơn, 1969, Phó Trưởng khoa Khoa Sư phạm	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	- Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục - Quản lý nhà trường
14	Dương Thị Oanh, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Quản lý tài nguyên và môi trường	Môi trường và con người
15	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa dân gian	Cơ sở văn hoá Việt Nam
16	Phan Thị Quỳnh Trâm, 1985, TBM. Hóa học	GV	TS, Nga, 2014	Công nghệ thực phẩm	Dinh dưỡng trẻ em
17	Nguyễn Tấn Khôi, 1961, Trưởng khoa GDTH&MN	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán - Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
18	Văn Thị Phương Như, 1972, Phó Trưởng khoa KHTN	GV	TS Việt Nam 2015	Vi sinh vật học	- Sự phát triển thể chất trẻ - Giáo dục giới tính cho trẻ
19	Trần Minh Cảnh, 1968, TBM. Khoa học máy tính	GV	Ths, Việt Nam, 2001	Khoa học máy tính	Tin học đại cương
20	Lê Đức Hiếu, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2001	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)	Phương pháp Giáo dục thể chất cho trẻ
21	Trần Đắc Ân, 1966, Phó Trưởng khoa GDTC-GDQP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	Sư phạm giáo dục Thể chất	- Giáo dục thể chất 2 - Thể dục nghệ thuật
22	Nguyễn Minh Cường, 1984, Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa GDTC&GDQP	GV	TS, Việt Nam, 2020	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)	Giáo dục thể chất 3
23	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)	Giáo dục thể chất 1
24	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	Thể dục thể thao	- Giáo dục thể chất 4
25	Trưởng Sĩ quan thông tin				- Giáo dục Quốc phòng-an ninh
26	Trần Thị Hồng Vân, 1972, Phó Trưởng khoa PT. Khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	- Âm nhạc - Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ
27	Đình Văn Tiên, 1965, Giảng viên Khoa Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Quản lý giáo dục	Mỹ thuật

28	Lê Thị Hoàng Diệp, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	Giáo dục học (Mầm non)	- Vệ sinh - chăm sóc trẻ - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ
29	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	- Giáo dục hoà nhập Giáo dục học mầm non
30	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó Trưởng phòng Khảo thí	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Khoa học máy tính	- Ứng dụng CNTT trong dạy học mầm non mầm non
31	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLPPDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử
32	Phan Thị Lan, 1971, TBM. Tâm lý	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học	- Tâm lý học đại cương - Tổ chức hoạt động vui chơi
33	Tôn Nữ Cẩm Hường, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Tâm lý học	- Giáo dục gia đình - Giao tiếp với trẻ em
34	Trần Văn Chương, 1957, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2017	Quản lý giáo dục	- Tổ chức thực hiện chương trình GDMN - Đánh giá trong giáo dục mầm non
35	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình - Làm đồ chơi cho trẻ
36	Huỳnh Thị Như Huyền, 1975, Giảng viên	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Ngữ văn (lý luận ngôn ngữ)	- Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học. - Hình thành và phát triển khả năng tiền đọc viết cho trẻ mầm non.
37	Mai Thị Lê Hải, 1983, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2020	Giáo dục học (giáo dục Tiểu học)	- Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh - Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ
38	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2019	Văn học Việt Nam	- Văn học dân gian - Văn học trẻ em
39	Nguyễn Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2012	Nghệ thuật thị giác	Nghệ thuật tạo hình
40	Nguyễn Hoài Uyên, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2019	Giáo dục học	- Giáo dục học đại cương - Tâm lý trẻ em
41	Khoa GDTH-MN, Khoa TLGD				Rèn luyện NVSP thường xuyên 1, 2, 3, 4
42	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2016	Dàn dựng	Múa và biên soạn động tác múa

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thị Hương		Bác sĩ Th.s Chuyên khoa nhi		Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Trường Đại học Phú Yên có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành khu vực với diện tích 25ha. Hiện tại, Nhà trường có 30 phòng học đạt chuẩn.

Các phòng học, phòng học chuyên dùng, phòng máy vi tính, các thiết bị và phương tiện dạy học được trang bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo chuyên ngành này.

- 1 Phòng dạy nấu ăn và 1 nhà ăn rộng 200 m²
- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng dạy máy vi tính.
- 1 phòng thực hành Mầm non

11.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Phú Yên có đầy đủ các đầu sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có đủ sách giáo trình tham khảo cho chuyên ngành đào tạo.

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236 m² sử dụng).

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần
1.	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ GD& ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ GD& ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD& ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD& ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

5.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6.	New English File – Pre-intermediate (Student’s book & Workbook)	Clive oxenden, Christina latham – Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2005		Tiếng Anh 1, 2, 3
7.	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	Giáo dục	2007		Tiếng Việt
8.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015		Pháp luật đại cương
9.	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh. Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh..	Nguyễn Thị Chi (Chủ biên) Trương Xuân Cảnh (Chủ biên)	Giáo dục	2017		Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
10.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Võ Thị Ngọc Lan, Nguyễn Ngọc Tuấn (2012)	ĐHQG Tp HCM	2012		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
11.	- Cơ sở văn hoá Việt Nam - Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (CB) Trần Ngọc Thêm	Giáo dục HN	1998 1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
12.	Mỹ học đại cương	Đỗ Văn Khang	ĐHQG HN	2002		Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ
13.	Giáo trình sinh lý trẻ	- Nguyễn Thị Phi Loan, Nguyễn thị Kiều Thu , Đỗ Trọng Đăng,	ĐHPY	2012		Sự phát triển thể chất trẻ em
14.	Đạo đức học	PTS Phạm Khắc Chương; PGS, TS. Hà Nhật Thăng	Giáo dục	1998		Đạo đức học
15.	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995		Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
16.	Giáo trình Con người và Môi trường	Lê Thanh Vân	ĐHSP Hà Nội	2004		Môi trường và con người
17.	Giáo trình tin học đại cương Tin Học Văn Phòng Microsoft Office	-Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM -Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến	- Lao động – Xã hội - Thời Đại	2012 2014		Tin học đại cương
18.	Giáo trình Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004		Thể dục
19.	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	ĐHSP Hà Nội	2004		Điền kinh

20	Sách Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải Đào Chí Thành	ĐHSP	2004	Cầu lông 1,2
21	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh	ĐHSP	2003	Bóng chuyền 1,2
22	Bóng đá: Giáo trình CĐSP	TS Phạm Quang	ĐHSP	2003	Bóng đá 1,2
23	GT Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	2005	Văn học trẻ em
24	Nghề Giáo viên mầm non	Hồ Hồng Lam	Giáo dục	2008	Nghề giáo viên mầm non
25	Giáo dục Âm nhạc, tập 1	Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam	ĐHSP	2007	Âm nhạc
26	Giáo trình Mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Mỹ thuật
27	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa (chủ biên)	Giáo dục	2008	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
28	Dinh dưỡng trẻ em	Lê Thị Mai Hoa	ĐHSP	2008	Dinh dưỡng trẻ em
29	Giáo trình phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em	PGS.TS Hoàng Thị Phương	ĐHSP	2010	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ
30	Đánh giá trong giáo dục mầm non	Đinh Thị Kim Thoa	Giáo dục	2008	Đánh giá trong giáo dục mầm non
31	Giáo trình Lí thuyết và Thực hành tin học văn phòng	Hoàng Đức Hải, Nguyễn Đình Tê	LĐ&XH	2006	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non
32	- Giáo tiếp với trẻ em. - Giáo trình kỹ năng giao tiếp	- Võ Duy Dân - Chu Văn Đức	Nhà in Phúc Yên, Hà Nội	2006 2005	Giao tiếp với trẻ em
33	Văn học dân gian Việt Nam	Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn	Giáo dục	1997	Văn học dân gian
34	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	Giáo dục	2008	Giáo dục gia đình
35	Cẩm nang chương trình giáo dục giới tính cho trẻ 3-5 tuổi	Hồ Đức Tùng (chủ biên)	Giáo dục	2019	Giáo dục giới tính cho trẻ
36	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	Lao động	2008	Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non
37	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường Mầm non	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giáo dục	2006	Tổ chức hoạt động vui chơi
38	Giáo dục âm nhạc, Tập 2	Phạm Thị Hòa	ĐHSP	2011	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ
39	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thúy	ĐHSP	2003	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình

40	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Hồng Phương	Giáo dục	2008		Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ
41	Giáo trình Phương pháp hướng dẫn trẻ mầm non làm quen với biểu toán ban đầu	Ths. Lê Thị Thanh Nga	Giáo dục	2003		Tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ
42	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006		Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
43	Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Đinh Hồng Thái	Giáo dục	2008		Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
44	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	2009		Phương pháp hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh
45	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	Nhà in Tạp chí Cộng sản	1996		Làm đồ chơi cho trẻ
46	Âm nhạc và múa	Lê Đức Sang, Hoàng Công Dụng, Trịnh Hoài Thu	Giáo dục	2008		Múa và biên soạn động tác múa
47	Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non	Hoàng Thị Phương	ĐHSP Hà Nội	2018		Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ
48	Thế dục nghệ thuật và Thế dục nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư	Giáo dục	2000		Thế dục nghệ thuật
49	Giáo trình mỹ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011		Nghệ thuật tạo hình
50	Tập đề cương bài giảng (chưa có giáo trình)					Đàn phím điện tử
51	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Hà Nội	2004		Tâm lý học đại cương
52	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Anh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2004		Tâm lý học trẻ em
53	Giáo dục học đại cương	Bùi Thanh Huyền	Giáo dục	2006		Giáo dục học đại cương
54	- Giáo trình giáo dục học trẻ em (2 tập) - Giáo trình giáo dục học mầm non	-Trịnh Dân	Giáo dục	2006		Giáo dục học mầm non
		-Đinh Văn Vang	Giáo dục	2008		

55	Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Nguyễn Việt Bắc	Giáo dục	2007		Rèn luyện NVSPTX 1, 2, 3, 4
56	Quản lý và lãnh đạo nhà trường	Bùi Minh Hiền – Nguyễn Vũ Bích Hiền	ĐHSP	2015		Quản lý nhà trường
57	Phương pháp đọc diễn cảm	Hà Nguyễn Kim Giang	ĐHSP	2007		Phương pháp đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học
58	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	Giáo dục	2008		Giáo dục hòa nhập
59	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	ĐHSP	2011		Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tích hợp cho trẻ mầm non

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Thực tập sư phạm của sinh viên năm thứ III hệ CĐSP	Phạm Trung Thanh	ĐHSP Hà Nội	2004		-TTSP 1 -TTSP 2
2.	Kiến tập và thực tập sư phạm (giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP)	Nguyễn Đình Chính, Phạm Trung Thanh	Giáo dục	1998		-TTSP 1 -TTSP 2
3.	Thực tập sư phạm	Nguyễn Đình Chính	Giáo dục	1991		-TTSP 1 -TTSP 2
4.	Giáo trình nhạc lí phổ thông	Phạm Trọng Cầu	Giáo dục	1998		Âm nhạc
5.	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương	Giáo dục	2000		Âm nhạc
6.	Hát 1	Ngô Thị Nam	ĐHSP	1995		Âm nhạc
7.	Múa dân tộc Việt Nam	TS. Lâm Tô Lộc	Văn hóa	1978		Múa và biên soạn động tác múa
8.	Khái niệm nghệ thuật múa	PTS Lê Ngọc Canh	Văn hóa thông tin	1997		Múa và biên soạn động tác múa
9.	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yên	Giáo dục	1995		Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức	PGS,PTS Nguyễn Thành Duy (chủ biên)	CTQG	1996		Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Toán và Phương pháp hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ Mẫu	Đinh Thị Nhung	ĐHSP	2003		Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ em.

12.	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (CB)	ĐHSP Hà Nội	2002	Giáo dục học mầm non
13.	Giáo dục học	Hà Thế Ngữ Đặng Vũ Hoạt	Giáo dục	1987	Giáo dục học đại cương
14.	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2000	Giáo dục học đại cương
15.	Mỹ học và GD thẩm mỹ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn T. Hoàng Yến	ĐHSP Hà Nội	2005	Mỹ học và GD thẩm mỹ
16.	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005	Mỹ học và GD thẩm mỹ
17.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ (Q2)	Đặng Hồng Nhật	ĐHQG HN	2006	Làm đồ chơi cho trẻ
18.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình (T1+2)	Nguyễn Lăng Bình, Nguyễn Xuân Hòa	Giáo dục	1996	- Mỹ thuật - Nghệ thuật tạo hình
19.	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Đặng Hồng	ĐHQGHN	2006	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
20.	Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học	Hà Nguyễn Kim Giang	Giáo dục	2000	-PP đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học - Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học
21.	Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ em	Nguyễn Quang Ninh, Bùi Kim Tuyền, Luu Thị Lan	Giáo dục	1996	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
22.	Giúp con bạn phát triển	Trung tâm nghiên cứu GDMN		2002	Giáo dục gia đình
23.	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa	ĐHSP	2002	Tâm lý học trẻ em
24.	Tâm lý trẻ em	Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thị Mai Hà	Hà Nội	1997	Tâm lý học trẻ em
25.	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Lê Ánh Tuyết, Phạm Thị Việt, Đặng Thu Quỳnh	Giáo dục	1996	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh
26.	Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ	Nguyễn Thu Thủy	Giáo dục	1986	Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với TP văn học

27.	Cẩm nang điều trị nhi khoa	GS. Nguyễn Thu Nhận	Y học	1991	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
28.	Tâm lý học (tập 1,2)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục, Hà Nội	1998	Tâm lý học đại cương
29.	Tâm lý học trẻ em trước tuổi học	Nguyễn Ánh Tuyết	Giáo dục	1998	Tâm lý học trẻ em
30.	Nuôi dạy con như thế nào	B.S,Pak	Phụ nữ	1974	Giáo dục gia đình
31.	Những kỹ năng sống dành cho lứa tuổi mầm non	Quang Lâm	Dân trí	2019	Giáo dục giới tính cho trẻ
32.	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ GD &ĐT		2007	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
33.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor* Chương trình GDMN Bộ GD &Đào tạo 2017	Vụ giáo dục mầm non		2006	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
34.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ		Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
35.	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	Chính trị quốc gia	2006	Quản lý nhà trường mầm non
36.	Đánh giá trong giáo dục	Trần Bá Hoàn	Giáo dục	1997	Đánh giá trong giáo dục mầm non
37.	Tinh hoa quản lý	Tập thể tác giả	Lao động	2003	Quản lý nhà trường mầm non
38.	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân – Lý Dương	Thống kê	1999	Quản lý nhà trường mầm non
39.	Chương trình giáo dục mầm non	Bộ GD &ĐT		2007	Quản lý nhà trường mầm non
40.	Những cách thức của quản lý của thế kỉ XXI	Peter Drucker	Trẻ	2003	Quản lý nhà trường mầm non
41.	Đề nhà quản lý thành công	Richrd Sloma	Thông tin	1999	Quản lý nhà trường mầm non
42.	Phát triển chương trình giáo dục mầm non *kinh nghiệm Singapor*	Vụ giáo dục mầm non		2006	Quản lý nhà trường mầm non
43.	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ		Quản lý nhà trường mầm non
44.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học & kỹ thuật	1999	Phương pháp NCKH
45.	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông	Học viện quản lý giáo dục		2013	Phương pháp NCKH
46.	Cơ sở sinh thái học	Mai Đình Yên	Đại học Tổng hợp		PP hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung

			Hà Nội		quanh
47.	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	TP. Hồ Chí Minh	1992	Cơ sở văn hóa Việt Nam
48.	Giá trị tinh thần truyền thống dân tộc của Việt Nam	Trần Văn Giàu	Khoa học xã hội, Hà Nội	1980	Cơ sở văn hóa Việt Nam
49.	Mỹ học đại cương	TS. Đỗ Văn Khang	Giáo dục	1997.	Mỹ học và GD thẩm mỹ
50.	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và logic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà Nội	1995	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
51.	Dinh dưỡng người	Lê Doãn Điền, Vũ Thị Thu	Y học	1996	Dinh dưỡng trẻ em
52.	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ Dinh dưỡng trẻ em
53.	Các bài mẹ nuôi con cần biết	Lê Diễm Hương	Y học	1982	Dinh dưỡng trẻ em
54.	Giải phẫu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em	Trần Trọng Thủy, Trần Quy	Giáo dục	1998	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
55.	Phát triển ngôn ngữ ở trẻ mầm non	Lê Thị Kim Anh	Giáo dục	1999	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ
56.	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa	Hà Nội	1994	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình
57.	Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam	Viện văn học	Giáo dục	1999	Văn học dân gian
58.	Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non	Nguyễn Thị Hòa	Đại học Sư Phạm	2013	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ
59.	Phát triển năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục của giáo viên	Lưu Thu Thủy, Trần Thị Tố Oanh	Giáo dục	2017	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Giảng viên: Có trình độ theo đúng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy Đại học

- Sinh viên: Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyển trường; xét tốt nghiệp... của chương trình ngành Giáo dục Mầm non được thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Danh mục và khối lượng các học phần quy định tại mục 7 gồm 2 phần: Những học phần bắt buộc sinh viên phải thực hiện; Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.

- Tập dượt cho sinh viên NCKH.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

Phòng học, phòng thực hành

- 1 phòng dạy Mỹ thuật.
- 2 phòng dạy nhạc.
- 1 phòng máy vi tính.
- Phòng Thực hành Mầm non
- Thư viện, học liệu

KT. HIỆU TRƯỞNG ✓
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Định